

**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN  
TAYA VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2005**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TÂY VIỆT NAM**

Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Thành phố Biên Hòa

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 19

# **CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM**

Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Thành phố Biên Hòa

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

---

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005.

### **CÔNG TY**

Công ty là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414 CPH/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 7 tháng 10 năm 2005. Trước đây Công ty là doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài được thành lập theo Giấy phép Đầu tư số 414/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 7 tháng 9 năm 1992.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam. Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập một Chi nhánh hoạt động từ tháng 1 năm 2005, tại xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 414/GPDC1-BKH-KCN-DN do Ban Quản lý Các khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 5 năm 2003.

### **HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, dây cáp điện, động cơ điện và các sản phẩm máy bơm nước tại thị trường Việt Nam và nước ngoài.

### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên báo cáo tài chính từ trang 4 đến trang 19 kèm theo.

Như được trình bày tại ghi chú số 4.10 của phần ghi chú báo cáo tài chính, vào ngày 25 tháng 6 năm 2005, Công ty quyết định chia lãi cổ tức với số tiền 27.401.441 nghìn đồng từ khoản lợi nhuận chưa phân phối của Công ty. Khoản lãi cổ tức được chia được chi trả bằng cách phát hành cổ phiếu cho các cổ đông. Tuy nhiên, Công ty vẫn chưa phát hành cổ phiếu trong năm do còn chờ sự chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước Việt Nam.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY Y KẾT THỨC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ngoại trừ sự kiện nêu trong ghi chú số 5.4 của phần ghi chú báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Shen Shang Pang	Chủ tịch
Ông Shen Shang Tao	Thành viên
Ông Shen Shang Hung	Thành viên
Ông Chen Ping Sen	Thành viên
Ông Shen San Yi	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Chen Ping Sen	Tổng Giám đốc
Ông Chiu Chin Teng	Phó Tổng Giám đốc

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM**

Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Thành phố Biên Hòa

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán Việt Nam (VACO) - Thành viên Deloitte Touche Tohmatsu và Công ty Kế toán Kiểm toán Tư vấn Việt Nam (AACC).

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

---

**Chen Ping Sen**

**Tổng Giám đốc**

*Ngày 27 tháng 3 năm 2006*



Số: /VACOHCM-KT

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya Việt Nam**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Như đã trình bày tại ghi chú số 2 của phần ghi chú báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc ở trang 1 và 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế chưa có trong Hệ thống Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các ghi chú trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

---

**Võ Thái Hòa**  
**Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY KIỂM TOÁN VIỆT NAM**  
**Thành viên Deloitte Touche Tohmatsu**  
Ngày 27 tháng 3 năm 2006  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

---

**Hà Quốc Khánh**  
**Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0041/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**  
**TỰ VẤN VIỆT NAM**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005

**MẪU B 01-DN**  
Đơn vị tính: VNĐ'000

TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	31/12/2005	31/12/2004 (trình bày lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>572.776.098</b>	<b>296.775.764</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>106.677.783</b>	<b>31.226.397</b>
1. Tiền	111		106.677.783	31.226.397
<b>II. Phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>204.526.364</b>	<b>104.306.012</b>
1. Phải thu khách hàng	131		196.719.478	104.470.743
2. Trả trước cho người bán	132		8.085.166	546.607
3. Các khoản phải thu khác	138		488.088	55.030
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(766.368)	(766.368)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.2</b>	<b>242.893.251</b>	<b>154.818.065</b>
1. Hàng tồn kho	141		242.893.251	154.818.065
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>18.678.700</b>	<b>6.425.290</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		373.439	93.600
2. Các khoản thuế phải thu	152	4.3	10.351.777	5.232.895
3. Tài sản ngắn hạn khác	153		7.953.484	1.098.795
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>214.589.270</b>	<b>214.944.842</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>205.288.241</b>	<b>205.536.721</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.4	202.549.109	140.409.969
- Nguyên giá	222		305.618.541	219.270.150
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(103.069.432)	(78.860.181)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	1.925.583
- Nguyên giá	228		-	1.925.583
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.5	2.739.132	63.201.169
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>42.400</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258		42.400	-
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.258.629</b>	<b>9.408.121</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	9.258.629	9.408.121
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>787.365.368</b>	<b>511.720.606</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005

**MẪU B 01-DN**

**Đơn vị tính: VNĐ'000**

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	31/12/2005	31/12/2004 (trình bày lại)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)</b>	<b>300</b>		<b>532.015.392</b>	<b>268.018.535</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>491.607.527</b>	<b>226.440.567</b>
1. Vay ngắn hạn	311	4.7	311.070.214	146.612.713
2. Phải trả người bán	312		78.695.350	58.717.569
3. Người mua trả tiền trước	313		2.097.138	3.113.041
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.8	12.304.858	11.641.308
5. Phải trả công nhân viên	315		982.446	3.208.535
6. Chi phí phải trả	316		2.398.819	1.426.028
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		84.058.702	1.721.373
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>320</b>		<b>40.407.865</b>	<b>41.577.968</b>
1. Vay dài hạn	324	4.9	40.407.865	41.577.968
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)</b>	<b>400</b>	<b>4.10</b>	<b>255.349.976</b>	<b>243.702.071</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>253.791.901</b>	<b>243.702.071</b>
1. Vốn điều lệ	411		182.676.271	182.676.271
2. Chênh lệch tỷ giá	415		-	(75.191)
3. Quỹ đầu tư phát triển	416		6.110.099	-
4. Quỹ dự phòng tài chính	417		3.055.050	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối	419		61.950.481	61.100.991
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>		<b>1.558.075</b>	<b>-</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	421		1.558.075	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300+ 400)</b>	<b>430</b>		<b>787.365.368</b>	<b>511.720.606</b>

**Chen Ping Sen**

**Tổng Giám đốc**

Ngày 27 tháng 3 năm 2006

**Cheng Yu Mei**

**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị tính: VNĐ'000

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Ghi chú</b>	<b>2005</b>	<b>2004 (trình bày lại)</b>
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1</b>		<b>775.500.394</b>	<b>464.702.049</b>
2. Các khoản giảm trừ	3		259.779	1.165.912
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)</b>	<b>10</b>		<b>775.240.615</b>	<b>463.536.137</b>
4. Giá vốn hàng bán	11		695.477.903	376.232.968
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>79.762.712</b>	<b>87.303.169</b>
<b>6. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>21</b>		<b>1.060.454</b>	<b>665.209</b>
- Trong đó: Thu từ lãi			666.578	447.752
Lãi từ chênh lệch tỷ giá			389.726	217.457
<b>7. Chi phí tài chính</b>	<b>22</b>		<b>15.133.468</b>	<b>4.184.318</b>
- Trong đó: Chi phí lãi vay			11.943.506	3.053.794
Lỗ từ chênh lệch tỷ giá			3.189.962	1.130.524
<b>8. Chi phí bán hàng</b>	<b>24</b>		<b>13.189.475</b>	<b>9.619.401</b>
<b>9. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25</b>		<b>17.402.897</b>	<b>9.663.539</b>
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))</b>	<b>30</b>		<b>35.097.326</b>	<b>64.501.120</b>
<b>11. Thu nhập khác</b>	<b>31</b>		<b>7.802.674</b>	<b>1.906.191</b>
<b>12. Chi phí khác</b>	<b>32</b>		<b>151.541</b>	<b>133.555</b>
<b>13. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>7.651.133</b>	<b>1.772.636</b>
<b>14. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>42.748.459</b>	<b>66.273.756</b>
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp	51	4.11	3.774.304	5.172.765
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>38.974.155</b>	<b>61.100.991</b>

**Chen Ping Sen**

**Tổng Giám đốc**

Ngày 27 tháng 3 năm 2006

**Cheng Yu Mei**

**Kế toán trưởng**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

**MẪU B 03-DN**

**Đơn vị tính: VNĐ'000**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>2005</b>	<b>2004</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>42.748.459</b>	<b>66.273.756</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	24.858.355	15.167.886
- Lỗ do thanh lý tài sản cố định	03	3.172	93.423
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	786.679	242.718
- Thu từ lãi	05	(666.578)	(447.752)
- Chi phí lãi vay	06	11.943.506	3.053.794
- Lỗ từ chênh lệch tỷ giá của Chi nhánh Hải Dương		75.191	(75.191)
- Khấu hao tiền đền bù đất		641.861	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>80.390.645</b>	<b>84.308.634</b>
- Tăng các khoản phải thu	09	(105.339.234)	(44.551.592)
- Tăng hàng tồn kho	10	(85.430.635)	(97.324.334)
- Tăng các khoản phải trả	11	23.611.177	40.857.351
- Tăng chi phí trả trước	12	(5.701.315)	(6.555.993)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(11.943.506)	(3.053.794)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(18.317.432)	(1.838.438)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	64.239.969	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(58.490.331)</b>	<b>(28.158.166)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(29.183.180)	(128.016.748)
2. Tiền thu do thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn	22	-	135.320
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(42.400)	-
4. Thu lãi tiền gửi	27	666.578	447.752
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(28.559.002)</b>	<b>(127.433.676)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	45.542.400
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	670.784.151	432.160.146
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(508.283.432)	(350.480.688)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>162.500.719</b>	<b>127.221.858</b>
<b>Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>75.451.386</b>	<b>(28.369.984)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>31.226.397</b>	<b>59.596.381</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>106.677.783</b>	<b>31.226.397</b>

**Chen Ping Sen**

**Tổng Giám đốc**

Ngày 27 tháng 3 năm 2006

**Cheng Yu Mei**

**Kế toán trưởng**

Các ghi chú từ trang 8 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu B 09-DN**

*Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/CPH/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 7 tháng 10 năm 2005. Trước đây Công ty là doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài được thành lập theo Giấy phép Đầu tư số 414/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 7 tháng 9 năm 1992.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam. Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập một Chi nhánh hoạt động từ tháng 1 năm 2005, tại xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư Điều chỉnh số 414/GPDC1-BKH-KCN-DN do Ban Quản lý Các khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 5 năm 2003.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 là 577 người (năm 2004: 464 người).

**1.2 Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, dây cáp điện, động cơ điện và các sản phẩm máy bơm nước tại thị trường Việt Nam và nước ngoài.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng nghìn Đồng Việt Nam (VNĐ'000), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các qui định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các qui định về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**3.1 Áp dụng các chuẩn mực kế toán mới**

Trong năm nay, Công ty lần đầu tiên áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("VAS"), cụ thể như sau:

VAS 17	Thuế thu nhập doanh nghiệp
VAS 23	Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán
VAS 29	Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót

Việc áp dụng các chuẩn mực kế toán mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu trình bày trong báo cáo tài chính kỳ này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

**GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3.2 Giới thiệu các chuẩn mực kế toán mới**

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành các chuẩn mực kế toán mới sau:

VAS 11	Hợp nhất kinh doanh
VAS 18	Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng
VAS 19	Hợp đồng bảo hiểm
VAS 30	Lãi trên cổ phiếu

Hiện tại, Công ty đang phân tích ảnh hưởng của các chuẩn mực này, bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2006. Tuy nhiên, các chuẩn mực này được đánh giá là không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính năm nay của Công ty.

**3.3 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các qui định về kế toán hiện hành tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**3.5 Các khoản phải thu và dự phòng các khoản phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ một năm trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**3.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá thị trường tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3.7 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	7 - 35
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	5 - 8
Các tài sản khác	2 - 7

**3.8 Thuê**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.10 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền đền bù và cải tạo đất, chi phí thành lập và các chi phí dài hạn khác.

Tiền đền bù và cải tạo đất là chi phí phát sinh liên quan đến việc xây dựng Chi nhánh Công ty tại Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam. Chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong giai đoạn thành lập Chi nhánh Công ty tại Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam trước khi Công ty nhận được Giấy phép Đầu tư. Các chi phí này được xem là có khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 3 năm kể từ ngày Chi nhánh đi vào hoạt động.

Chi phí thể hội viên sân golf được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 37 đến 43 năm.

Các chi phí dài hạn khác bao gồm chi phí quảng cáo và chi phí khai trương của Chi nhánh Công ty tại Hải Dương được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm, phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

**GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3.11 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

**3.12 Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**3.13 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.14 Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Trụ sở chính của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% trên thu nhập chịu thuế cho đến hết ngày 7 tháng 9 năm 2042 và áp dụng mức thuế suất hiện hành cho các năm sau đó. Trụ sở được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm từ năm 1997, là năm đầu tiên kinh doanh có lãi. Trụ sở chính của Công ty cũng được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho giai đoạn từ năm 2004 đến 2006 theo Công văn số 9697/BTC-TCDN do Bộ Tài chính cấp ngày 2 tháng 8 năm 2005. Do đó, báo cáo tài chính của năm 2004 đã được trình bày lại cho sự giảm thuế này. Sự ảnh hưởng này dẫn đến việc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004 là 5.172.765 nghìn đồng.

Chi nhánh Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với tỷ lệ 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm và 25% cho những năm tiếp theo cho đến hết ngày 7 tháng 9 năm 2042 và áp dụng mức thuế suất hiện hành cho các năm sau đó. Chi nhánh Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi, và được miễn thuế 50% cho bốn năm kế tiếp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM**

Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Thành phố Biên Hòa  
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

**GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

*Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Công ty có thể mang sang các khoản lỗ của bất kỳ năm nào và bù trừ vào lợi nhuận của các năm sau trong thời hạn tối đa là 5 năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này, và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ giá trị chuyển sang của các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng tài sản thuế thu nhập hoãn lại đó.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2005 <u>VNĐ'000</u>	31/12/2004 <u>VNĐ'000</u>
Tiền mặt	2.760.389	649.699
Tiền gửi ngân hàng	100.648.017	30.576.698
Tiền đang chuyển	3.269.377	-
	<b><u>106.677.783</u></b>	<b><u>31.226.397</u></b>

**4.2 Hàng tồn kho**

	31/12/2005 <u>VNĐ'000</u>	31/12/2004 <u>VNĐ'000</u>
Nguyên, vật liệu	43.585.917	56.432.217
Thành phẩm	110.112.895	50.007.362
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	32.820.105	21.041.159
Hàng mua đang đi trên đường	56.166.296	22.928.064
Công cụ, dụng cụ	208.038	4.409.263
	<b><u>242.893.251</u></b>	<b><u>154.818.065</u></b>

**4.3 Các khoản thuế phải thu**

	31/12/2005 <u>VNĐ'000</u>	31/12/2004 <u>VNĐ'000</u>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	2.767.540	5.232.895
Phải nộp Nhà nước	7.584.237	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM**

Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Thành phố Biên Hòa

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

**GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu B 09-DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.563.916	-
+ Thuế xuất nhập khẩu	20.321	-
	<b>10.351.777</b>	<b>5.232.895</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM**Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Thành phố Biên Hòa  
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

**GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4.4 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VNĐ'000	Máy móc, thiết bị VNĐ'000	Phương tiện vận tải VNĐ'000	Thiết bị văn phòng VNĐ'000	Các tài sản khác VNĐ'000	Tổng VNĐ'000
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 1/1/2005	39.218.506	169.748.139	5.984.457	1.607.131	2.711.917	219.270.150
Tăng trong năm	67.901.913	14.789.938	2.169.294	193.149	1.946.373	87.000.667
Thanh lý	-	(423.880)	-	(110.000)	(118.396)	(652.276)
Tại ngày 31/12/2005	107.120.419	184.114.197	8.153.751	1.690.280	4.539.894	305.618.541
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 1/1/2005	16.575.500	57.579.576	2.391.835	1.256.161	1.057.109	78.860.181
Khấu hao trong năm	5.403.629	18.007.869	871.880	148.432	426.545	24.858.355
Giảm do thanh lý	-	(423.880)	-	(110.000)	(115.224)	(649.104)
Tại ngày 31/12/2005	21.979.129	75.163.565	3.263.715	1.294.593	1.368.430	103.069.432
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2005	<b>85.141.290</b>	<b>108.950.632</b>	<b>4.890.036</b>	<b>395.687</b>	<b>3.171.464</b>	<b>202.549.109</b>
Tại ngày 31/12/2004	<b>22.643.006</b>	<b>112.168.563</b>	<b>3.592.622</b>	<b>350.970</b>	<b>1.654.808</b>	<b>140.409.969</b>

Như đã trình bày tại ghi chú số 4.9, Công ty đã thế chấp một phần nhà xưởng, máy móc và thiết bị để đảm bảo các khoản vay dài hạn của Công ty tại Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 tương ứng gần 6.329.410 nghìn đồng và 11.361.195 nghìn đồng.

Như đã trình bày tại các ghi chú số 4.7 và 4.9, Công ty đã thế chấp một phần máy móc, thiết bị để đảm bảo các khoản vay ngắn và dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Chinfon - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 tương đương 57.729.597 nghìn đồng.

Tài sản cố định hữu hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang sử dụng với nguyên giá là 36.827.759 ngàn đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2004: 24.730.326 nghìn đồng).

**4.5 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	2005 VNĐ'000	2004 VNĐ'000
Tại ngày 1 tháng 1	63.201.169	10.117.169
Tăng trong năm	17.676.567	54.038.627
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(77.155.311)	(954.627)
Kết chuyển sang các tài sản khác	(983.293)	-
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>2.739.132</b>	<b>63.201.169</b>

**4.6 Chi phí trả trước dài hạn**



**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM**Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Thành phố Biên Hòa  
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

**GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	2005 VNĐ'000	2004 VNĐ'000
Tại ngày 1 tháng 1	9.408.121	1.157.549
Tăng trong năm	3.608.826	8.276.439
Phân bổ vào chi phí trong năm	(3.758.318)	(25.867)
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>9.258.629</b>	<b>9.408.121</b>

**4.7 Vay ngắn hạn**

	31/12/2005 VNĐ' 000	31/12/2004 VNĐ' 000
Vay ngắn hạn	289.669.262	131.077.994
Vay dài hạn đến hạn trả (xem ghi chú số 4.9)	21.400.952	15.534.719
	<b>311.070.214</b>	<b>146.612.713</b>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Hạn mức tín dụng	Lãi suất hàng năm	31/12/2005		31/12/2004
			USD	VNĐ'000	VNĐ'000
Ngân hàng Thương mại Chinfon- Chi nhánh Tp. HCM	USD 6.000.000	SIBOR + 1,15%	5.364.221	85.371.577	77.665.851
Ngân hàng Thương mại Chinfon- Chi nhánh Hà Nội	USD 7.000.000	SIBOR + 1,15% SIBOR + 1,25%	3.797.619	60.439.101	-
Ngân hàng Thương mại Chinatrust- Chi nhánh Tp. HCM	USD 4.000.000	SIBOR + 1,25%	4.000.000	63.660.000	43.567.184
Ngân hàng Thương mại Quốc Tế Trung Quốc - Chi nhánh Tp. HCM	USD 2.000.000	SIBOR 6 month + 1%	2.000.000	31.830.000	9.844.959
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Tp. HCM	USD 1000.000	SIBOR 6 month + 1,25%	942.684	15.002.819	-
Ngân hàng Far East National - Chi nhánh Tp. HCM	USD 5.000.000	SIBOR 6 month + 1%	2.096.498	33.365.765	-
			<b>18.201.022</b>	<b>289.669.262</b>	<b>131.077.994</b>

Khoản vay từ Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Tp. HCM không có đảm bảo.

Các khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Chinatrust - Chi nhánh Tp. HCM, Far East National Bank - Chi nhánh Tp. HCM và Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc - Chi nhánh Tp. HCM được bảo lãnh bởi ông Shen Shang Pang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM**

Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Thành phố Biên Hòa  
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

**GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Chinfon - Chi nhánh Tp. HCM là hai khoản vay với hạn mức tín dụng đều là 3.000.000 đô la Mỹ. Khoản vay thứ nhất được bảo lãnh bởi ông Shen Shang Pang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty. Khoản vay thứ hai được bảo lãnh bởi ông Shen Shang Pang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty và được đảm bảo bởi một phần máy móc, thiết bị của Chi nhánh Công ty tại Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam. Giá trị còn lại của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 tương đương 57.729.597 nghìn đồng (xem ghi chú số 4.9).

Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Chinfon - Chi nhánh Hà Nội được bảo lãnh bởi ông Shen Shang Pang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty. Lãi suất cho mỗi lần rút vốn bằng lãi suất SIBOR cộng 1,15%/năm nếu số dư của khoản vay lũy kế tại ngày rút vốn thấp hơn hoặc bằng 2.000.000 đô la Mỹ và bằng lãi suất SIBOR cộng 1,25%/năm nếu số dư của khoản vay lũy kế tại ngày rút vốn cao hơn 2.000.000 đô la Mỹ.

**4.8 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2005 VNĐ' 000	31/12/2004 VNĐ' 000
<b>Thuế</b>		
- Thuế giá trị gia tăng	4.555.275	4.346.688
- Thuế xuất nhập khẩu	102.376	177.213
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7.094.876
- Các loại thuế khác	7.647.207	22.531
	<b>12.304.858</b>	<b>11.641.308</b>

**4.9 Vay dài hạn**

	Hạn mức tín dụng	Lãi suất hàng năm	31/12/2005 USD	31/12/2004 VNĐ'000	31/12/2004 VNĐ'000
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Tp. HCM	USD 1.500.000	SIBOR 6 month + 1,5%	143.352	2.281.447	4.526.483
Ngân hàng Thương mại Quốc Tế Trung Quốc - Chi nhánh Tp. HCM	USD 500.000	SIBOR 6 month + 0,55%	158.307	2.519.450	3.499.078
Ngân hàng Thương mại Quốc Tế Trung Quốc - Chi nhánh Tp. HCM	USD 450.000	SIBOR 6 month + 1,25%	347.498	5.530.432	-
Ngân hàng Thương mại Chinfon- Chi nhánh Tp. HCM	USD 4.600.000	SIBOR + 1,25%	3.234.526	51.477.488	49.087.126
			<b>3.883.683</b>	<b>61.808.817</b>	<b>57.112.687</b>
<b>Trừ:</b>					
Vay dài hạn đến hạn trả (được trình bày trong phần nợ ngắn hạn)				(21.400.952)	(15.534.719)
				<b>40.407.865</b>	<b>41.577.968</b>

Khoản vay từ Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Tp. HCM được trả dần trong 49 lần hàng tháng bắt đầu từ ngày 17 tháng 12 năm 2001. Khoản vay này được đảm bảo bởi một phần nhà xưởng, máy móc và thiết bị của Trụ sở Công ty tại Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam. Giá trị còn lại của khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 tương đương 6.329.410 nghìn đồng (xem ghi chú số 4.4).

Các khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc - Chi nhánh Tp. HCM được trả dần làm 9 lần với thời hạn 6 tháng/lần sau khoản thời gian ân hạn một năm kể từ ngày rút vốn, khoản vay

**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM**

Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Thành phố Biên Hòa  
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

**GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu B 09-DN**

Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

này được bảo lãnh bởi ông Shen Shang Pang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty và được đảm bảo bởi một phần nhà xưởng, máy móc và thiết bị của Công ty với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 tương đương 11.361.195 nghìn đồng (xem ghi chú 4.4).

Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Chinfon - Chi nhánh T.p HCM được trả dần làm 9 lần với thời hạn 6 tháng/lần, bắt đầu từ tháng 12 năm 2004. Khoản vay này được bảo lãnh bởi ông Shen Shang Pang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty và được đảm bảo bởi một phần máy móc, thiết bị của Chi nhánh Công ty tại Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 tương đương 57.729.597 nghìn đồng (xem các ghi chú số 4.4 và 4.7).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2005	31/12/2004
	<u>VNĐ'000</u>	<u>VNĐ'000</u>
Trong vòng một năm	21.400.952	15.534.719
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	40.407.865	41.577.968
Sau năm năm	-	-
	<b>61.808.817</b>	<b>57.112.687</b>
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng (được trình bày trong phần nợ ngắn hạn)	<u>(21.400.952)</u>	<u>(15.534.719)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<b>40.407.865</b>	<b>41.577.968</b>

**4.10 Vốn và thay đổi trong vốn chủ sở hữu****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Chênh lệch tỷ	Các khoản dự	Lợi nhuận	Tổng
	VNĐ'000	giá hối đoái	phòng	chưa phân	VNĐ'000
	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000	phối	VNĐ'000
<b>Số dư tại ngày 1/1/2004</b>	137.133.871	-	-	-	137.133.871
Góp vốn	45.542.400	-	-	-	45.542.400
Lỗi từ chênh lệch tỷ giá - Chi nhánh Hải Dương	-	(75.191)	-	-	(75.191)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	55.928.226	55.928.226
<b>Số dư tại ngày 1/1/2005</b>	182.676.271	(75.191)	-	55.928.226	238.529.306
- Điều chỉnh năm trước (xem ghi chú số 3.13)	-	-	-	5.172.765	5.172.765
- Trình bày lại	<u>182.676.271</u>	<u>(75.191)</u>	<u>-</u>	<u>61.100.991</u>	<u>243.702.071</u>
Trích lập quỹ	-	-	10.723.224	(10.723.224)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	38.974.155	38.974.155
Chia cổ tức	-	-	-	(27.401.441)	(27.401.441)
Lỗi từ chênh lệch tỷ giá - Chi nhánh Hải Dương	-	75.191	-	-	75.191
<b>Số dư tại ngày 31/12/2005</b>	<b>182.676.271</b>	<b>-</b>	<b>10.723.224</b>	<b>61.950.481</b>	<b>255.349.976</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM**

Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Thành phố Biên Hòa  
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

**GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

*Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Như đã trình bày tại ghi chú số 1.1, trước đây Công ty là một doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài theo Giấy phép Đầu tư số 414/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 7 tháng 9 năm 1992.

Vào ngày 7 tháng 10 năm 2005, Công ty chuyển sang hình thức công ty cổ phần theo Giấy phép Đầu tư số 414 CPH/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp với số vốn điều lệ được duyệt là 182.676.270 nghìn đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, vốn điều lệ của Công ty cụ thể như sau:

	2005 <u>VNĐ'000</u>
Được duyệt:	
Cổ phiếu thường: 10.000 đồng/cổ phiếu	<u>182.676.271</u>
Đã phát hành và được trả đủ:	
Cổ phiếu thường: 10.000 đồng/cổ phiếu	<u>182.676.271</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phiếu thường không có lợi nhuận cố định.

Trong cuộc họp giữa các cổ đông ngày 25 tháng 6 năm 2005, các cổ đông Công ty quyết định chia lãi cổ tức với số tiền 27.401.441 nghìn đồng. Khoản lãi cổ tức này được chia cho các cổ đông thông qua việc phát hành thêm vốn cổ phần. Tại thời điểm kết thúc niên độ, Công ty chưa nhận được sự phê duyệt của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam nên khoản lãi cổ tức này được ghi nhận vào các khoản phải trả khác.

Vào ngày 25 tháng 1 năm 2006, Công ty được phép phát hành thêm 2.740.144 cổ phiếu để trả lãi cổ tức trong năm 2004 theo Quyết định số 23/UBCK-DKPH do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp. Do đó, vốn điều lệ tăng lên một khoản 27.401.441 nghìn đồng.

**Các quỹ**

Các cổ đông Công ty quyết định trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2004 như sau:

- trích 10% lợi nhuận sau thuế làm quỹ đầu tư phát triển.
- trích 5% lợi nhuận sau thuế làm quỹ dự phòng tài chính.

	31/12/2005 <u>VNĐ' 000</u>	31/12/2004 <u>VNĐ' 000</u>
Quỹ đầu tư phát triển	6.110.099	-
Quỹ dự phòng tài chính	3.055.050	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.558.075	-
	<u><b>10.723.224</b></u>	<u><b>-</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM**Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Thành phố Biên Hòa  
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

**GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

	2005 VNĐ'000	2004 VNĐ'000
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>42.748.459</b>	<b>66.273.756</b>
Điều chỉnh:		
- Lỗ của Chi nhánh Hải Dương	7.543.285	-
- Lợi nhuận chưa thực hiện của các nghiệp vụ nội bộ	(699.976)	2.313.769
<b>Thu nhập chịu thuế (Trụ sở chính)</b>	<b>49.591.768</b>	<b>68.587.525</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: thu nhập không chịu thuế	13.090	-
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	745.363	382.678
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>50.324.041</b>	<b>68.970.203</b>
Thuế suất	7,5%	7,5%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>3.774.304</b>	<b>5.172.765</b>

Chi nhánh Công ty tại Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam được xem là một chi nhánh độc lập trong việc nộp thuế theo các quy định trong nước. Do đó, các khoản lỗ của chi nhánh này không thể bù trừ vào lợi nhuận của Trụ sở chính để tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế thu nhập doanh nghiệp được trích trong năm dựa vào lợi nhuận chịu thuế của Trụ sở chính Công ty.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho các khoản lỗ của Chi nhánh Hải Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 và 2004 do không chắc chắn có đủ lợi nhuận trong tương lai. Các khoản lỗ tính thuế sẽ hết hạn trong vòng 5 năm kể từ ngày phát sinh.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, không có thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời do không có các chênh lệch đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và công nợ trong báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

**5. THÔNG TIN KHÁC****5.1 Các khoản công nợ tiềm tàng**

Số tiền 2.633.021 nghìn đồng là số tiền lương bổ sung và chi phí khấu hao nhà xưởng Công ty bị loại trừ bởi cơ quan thuế. Công ty không trích lập dự phòng cho khoản tiền này trong báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 do Ban Giám đốc Công ty cho rằng không thể có các khoản công nợ thuế tiềm tàng phát sinh do sự loại trừ này.

**5.2 Cam kết thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2005 VNĐ'000	31/12/2004 VNĐ'000
Trong vòng một năm	1.736.730	1.722.871
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	7.742.030	7.483.059
Sau năm năm	99.329.157	102.635.876
	<b>108.807.917</b>	<b>111.841.806</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM**

Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Thành phố Biên Hòa  
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

**GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

*Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Chi phí thuê hoạt động hằng năm bao gồm chi phí thuê đất cho Trụ sở chính Công ty tại Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam trong 50 năm kể từ ngày 7 tháng 9 năm 1992 với phí thuê tối thiểu hằng năm là 83.266 đô la Mỹ và phí hạ tầng hằng năm là 25.859 đô la Mỹ. Phí thuê đất sẽ tăng định kỳ tối đa 15% sau mỗi năm năm.

Ngoài ra, Công ty có nghĩa vụ trả phí thuê đất cho Chi nhánh tại Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam với mức phí hàng năm là 5.957 đô la Mỹ sau thời gian được miễn 7 năm kể từ khi Chi nhánh đi vào hoạt động cho đến ngày 7 tháng 9 năm 2042. Phí thuê đất sẽ tăng định kỳ tối đa 15% sau mỗi năm năm.

**5.3 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

*Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:*

	2005 <u>VNĐ'000</u>	2004 <u>VNĐ'000</u>
<b>Taya Electric Wire &amp; Cable Co., Ltd.</b>		
Doanh thu bán dây và cáp điện	-	5.516.804
Mua nguyên, vật liệu và phụ liệu	675.769.930	417.286.426
Mua tài sản cố định	2.010.563	-
Mua công cụ, dụng cụ	<u>649.042</u>	<u>-</u>
	31/12/2005	31/12/2004
	<u>VNĐ'000</u>	<u>VNĐ'000</u>
<b>Taya Electric Wire &amp; Cable Co., Ltd.</b>		
Phải thu khách hàng	<u>70.110.532</u>	<u>45.899.301</u>
 <i>Thu nhập trả cho Ban Giám đốc trong năm như sau:</i>		
	2005	2004
	<u>VNĐ'000</u>	<u>VNĐ'000</u>
Lương và thưởng	<u>939.897</u>	<u>678.589</u>

**5.4 Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Vào ngày 25 tháng 1 năm 2006, Công ty được phép phát hành thêm 2.740.144 cổ phiếu, được dùng để chia lãi cổ tức năm 2004 (xem ghi chú số 4.10).

**5.5 Số liệu so sánh**

Ngoài vấn đề được trình bày trong ghi chú số 3.14, một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.